

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST

Ngày 08/10/2019

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Bình - Cán bộ hưu.

Bà Nguyễn Thị Bích- Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 08/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 21/01/2019.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT: Bản C, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: Bản C, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị P trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Tôi và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 16/9/2005 tại UBND xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chúng tôi được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn tôi về nhà chồng làm dâu ở chung cùng gia đình nhà chồng khoảng 1 năm. Năm 2006 thì vợ chồng tôi ra ở riêng. Năm 2009 anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, đến năm 2012 thì anh T về nghỉ phép thăm gia đình 02 tháng đến ngày 10/3/2012 thì anh T tiếp tục sang Hàn Quốc lao động. Lúc này thì chúng tôi vẫn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nhưng sau đó từ tháng 8/2016 đến nay thì anh T ít liên lạc, mỗi lần liên lạc về chỉ để hỏi thăm con. Tôi được biết là anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, không còn quan tâm tới tôi. Tôi có khuyên bảo nhưng anh T không nghe. Giữa tôi và anh không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa. Nay tôi xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung : Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bạch D, sinh ngày 21/8/2006 và cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 10/11/2012, hiện nay hai cháu ở cùng với tôi. Ly hôn tôi đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của anh Nguyễn Văn T (Bản C, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang).

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua thân nhân của anh T là ông Nguyễn Xuân N, sinh năm 1962, địa chỉ: Bản C, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 11/3/2019 và ngày 20/5/2019 ông Nguyễn Xuân N có quan điểm trình bày: Anh Nguyễn Văn T đi lao động ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Gia đình tôi đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về yêu cầu khởi kiện của chị P, về phía gia đình chúng tôi không có ý kiến gì. Anh Nguyễn Văn T có trao đổi quan điểm với gia đình về việc chị P xin ly hôn như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị P.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị P có 02 con chung là

cháu Nguyễn Thị Bạch D, sinh ngày 21/8/2006 và cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 10/11/2012. Hiện nay con chung đang ở với chị P. Chị P xin nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng thì con tôi đồng ý vì con tôi đang ở nước ngoài, cấp dưỡng nuôi con chung thì hai cháu tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Con tôi và chị P không có tài sản chung và công nợ chung.

Hiện nay anh T đang đi lao động tại nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh T thì gia đình không thể cung cấp được, gia đình không biết địa chỉ của anh T ở nước ngoài. Gia đình không thực hiện yêu cầu của Tòa án việc thông báo cho anh T gửi lời khai về việc xin ly hôn của chị P được.

* Tại phiên tòa chị Hoàng Thị P vắng mặt giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và giải quyết nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) giải quyết cho chị Hoàng Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Bạch D, sinh ngày 21/8/2006 và cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 10/11/2012 cho chị P nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị P không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung, công nợ: chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Chị Hoàng Thị P được miễn phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị P là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn T và đề nghị giải quyết nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn T là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại Bản C, xã C, huyện

Y, tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 709/A08-P5 ngày 10/01/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Nguyễn Văn T đã xuất cảnh ra nước ngoài từ ngày 10/3/2012, chưa thấy nhập cảnh về Việt Nam.

Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do, căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn T theo quy định tại Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, khoản 5, Điều 477 - Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn T .

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Chị Hoàng Thị P và Nguyễn Văn T kết hôn ngày 16/9/2005 tại UBND xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị P và anh Nguyễn Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của chị Hoàng Thị P thì sau khi kết hôn chị P về nhà chồng làm dâu ở chung cùng gia đình nhà chồng khoảng 1 năm. Năm 2006 thì vợ chồng chị ra ở riêng. Năm 2009 anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, đến năm 2012 thì anh T về nghỉ phép thăm gia đình 02 tháng đến ngày 10/3/2012 thì anh T tiếp tục sang Hàn Quốc lao động. Lúc này thì chị P và anh T vẫn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nhưng sau đó từ tháng 8/2016 đến nay thì anh T ít liên lạc, mỗi lần liên lạc về chỉ để hỏi thăm con. Chị P được biết là anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, không còn quan tâm tới chị P. Giữa chị P và anh không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa. Nay chị P xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Thông qua người thân (là bố đẻ) anh Nguyễn Văn T có quan điểm đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị P.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: từ tháng 8/2016 đến nay thì anh T ít liên lạc về với gia đình, mỗi lần liên lạc về chỉ để hỏi thăm con. Giữa chị P và anh không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị P và anh T đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị P và anh Nguyễn Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Hoàng Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn T .

[4]. Về con chung:

[4.1]. Chị Hoàng Thị P và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bạch D, sinh ngày 21/8/2006 và cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 10/11/2012. Hiện nay con chung đang ở với chị P. Sau khi ly hôn chị P đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Thông qua thân nhân anh T đồng ý và không có ý kiến gì.

Theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Bạch D và cháu Nguyễn Ngọc Minh C, thì các cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ.

[4.2]. HĐXX thấy: Chị Hoàng Thị P có nguyện vọng nuôi con chung và có đầy đủ điều kiện nuôi con chung. Các con chung vẫn còn nhỏ cần sự trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trực tiếp của bố, mẹ. Hiện anh T đang lao động tại nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị Hoàng Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Bạch D, sinh ngày 21/8/2006 và cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 10/11/2012. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hoàng Thị P không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Nguyễn Văn T về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị Hoàng Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Hoàng Thị P không phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm vì chị P thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Hoàng Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn T .

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Bạch D, sinh ngày 21/8/2006 và cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 10/11/2012. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hoàng Thị P không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Nguyễn Văn T về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Hoàng Thị P.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Văn T hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Hoàng Thị P cư trú tại Việt Nam, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã C, Y;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng